| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>CẤP CAO TẠI HÀ NỘI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số 348/2023/HC-PT
Ngày 24/5/2023
*V/v yêu cầu hủy quyết định hành chính.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phan Nam;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huyền Cường;

Ông Điều Văn Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Cảnh Duy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên cao cấp;

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 201/2023/TLPT-HC ngày 02/3/2023 về "*Yêu cầu hủy quyết định hành chính*" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 180/2022/HC-ST ngày 08/9/2022 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5158/2023/QĐPT ngày 09 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện*: Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1960;

Cư trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện S, thành phố Hà Nội, có mặt;

*2. Người bị kiện:*

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Quang N, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 45 ngày 29/11/2018), có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T1, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 13/7/2022), có đơn xin xét xử vắng mặt;

*3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T1, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 13/7/2022), có

đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Bà Đặng Thị T, sinh năm 1968, có mặt;

3. Chị Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1988, có đơn xin xét xử vắng mặt;

4. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991, có đơn xin xét xử vắng mặt;

5. Anh Nguyễn Bá C, sinh năm 1996, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Cùng trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện S, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Thu L, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Bá C là ông Nguyễn Bá T.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, tại phiên tòa người khởi kiện là ông Nguyễn Bá T trình bày:*

Ngày 11/2/1996, ông có ký "Hợp đồng thả cá hồ M" tại thôn H, xã Đ, huyện S, thành phố Hà Nội với Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Đ, huyện S, thời hạn là 10 năm; diện tích 2 mẫu 6 sào 13 thước (9673 $m^2$) kể cả 2 chuôm và ngòi ở phía tây cống hồ M thuộc khu vực cửa rừng; sản lượng giao nộp cho UBND xã là 400 kg thóc/năm (hàng năm ông đã nộp đủ); thời gian hết hợp đồng là ngày 11/02/2006 (có trích lục bản đồ kèm theo). Quá trình sử dụng gia đình ông đã thả cá trên hồ; khai hoang được 400 $m^2$ đất hoang hóa và trồng hoa màu trên đất; cải tạo, san lấp đất tại phần đất diện tích 2 sào 7 thước từ khu lò gạch cũ tại khu đồng M1. Năm 2013, UBND xã Đ thực hiện việc dồn điền, đổi thửa đã ra thông báo về việc thu hồi đất hoang hóa và tự ý phá phách, thay đổi hiện trạng đối với diện tích gia đình ông đã thuê thầu, khai hoang khi chưa thanh lý hợp đồng và giải quyết hậu quả của hợp đồng mà không bồi thường cho gia đình ông gồm: hoa màu trên phần đất đã khai hoang, công đổ đất tại phần đất diện tích 2 sào 7 thước tại khu đồng M1 là xâm phạm đến quyền và lợi ích của gia đình ông, nên ông đã có đơn khiếu nại đến UBND xã Đ.

Ngày 05/12/2017, UBND xã Đ ra Quyết định giải quyết khiếu nại số 228/QĐ-UBND có nội dung xác định nguồn gốc đất gia đình ông canh tác trước khi dồn điền đổi thửa là đất công, không phải đất do gia đình ông khai hoang, hợp đồng thuê thầu để thả cá không được sử dụng vào mục đích khác, nên không chấp nhận yêu cầu bồi thường của ông; nên ông tiếp tục có đơn khiếu nại. Ngày 29/3/2018, UBND huyện S ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 610/QĐ-UBND có nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông, giữ nguyên Quyết định số 228/QĐ-UBND của UBND xã Đ. Hiện nay toàn bộ diện tích đất trên đã không còn nguyên hiện trang nhưng ban đầu hộ gia đình ông sử dụng. Nay ông khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện S, thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại;

- Hủy Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của Chủ tịch UBND xã Đ, huyện S về việc giải quyết khiếu nại.

- Yêu cầu UBND xã Đ bồi thường cho gia đình ông công cải tạo đất tại diện tích 2 sào 7 thước ở khu đồng M1 do ông san lấp mặt bằng từ lò gạch cũ là đất

nông nghiệp do gia đình ông khai hoang là 222.750.000 đồng và phải có quyết định thu hồi đất; bồi thường tiền đổ đất, cải tạo, xây dựng và thả cá trên hồ Mlà 824.250.000 đồng;

- Yêu cầu UBND xã Đ trả lại cho gia đình ông diện tích 400 $m^2$ đất đã khai hoang được liền kề với xứ đồng M – chùa G và bồi thường hoa màu gia đình ông đã trồng trên đất là 93.000.000 đồng.

Tổng thiệt hại ông yêu cầu bồi thường ở ba xứ đồng là 1.140.000.000 đồng.

*Người bị kiện là Chủ tịch UBND xã Đ, huyện S trình bày:*

Đối với yêu cầu ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường công san lấp, cải tạo diện tích đất 2 sào 7 thước tại khu đồng M1: Ngày 27/11/2017, UBND xã Đ tiến hành họp Hội đồng tư vấn xác minh nguồn gốc đất thùng lò gạch tại xứ đồng M1 và theo tài liệu địa chính do địa phương quản lý thì xứ đồng M1 trước đây là đất công do UBND xã Đ quản lý; khoảng năm 1980 cho người địa phương khác đến làm lò gạch, sau đó do hiện trạng khó canh tác nên bỏ không. Đến khoảng năm 1983, ông T tự ý ra san lấp thành ruộng để cấy lúa. Việc ông T cho rằng diện tích đất 2 sào 7 thước tại khu đồng M1 do ông vỡ hoang từ năm 1983 là không có căn cứ. Diện tích đất 2 sào 7 thước tại khu đồng M1 là đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích do nhà nước quản lý, gia đình ông T tự ý san lấp, quản lý nhưng không được giao đất, cho thuê đất nên không có cơ sở để ban hành quyết định thu hồi đất và xem xét bồi thường hoa mầu và hỗ trợ công cải tại đất.

Hơn nữa, quá trình thực hiện công tác dồn điền, đổi thửa Tiểu ban dồn điền, đổi thửa thôn H đã tổ chức hội nghị toàn dân xây dựng phương án, quy chế chia ruộng và thống nhất tận dụng quỹ đất nông nghiệp và diện tích đất đã chia cho nhân dân theo Nghị định số 64/CP để quy hoạch lại đồng ruộng, xây dựng hệ thống giao thông, thủy lợi, đất công ích và diện tích đất còn lại được chia cho nhân dân theo Nghị định số 64/CP; gia đình ông T cũng đã được chia đất theo quy chế chia ruộng đã được họp bàn thống nhất.

Đối với yêu cầu bồi thường tiền đổ đất, cải tạo, xây dựng và thả cá trên hồ M: UBND xã Đ thừa nhận ông T có ký "Hợp đồng thả cá hồ M" như ông T đã trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng, gia đình ông T tự ý cải tạo, san lấp, trồng hoa màu trên diện tích đất thầu thả cá là không đúng với nội dung hợp đồng. Năm 2013, khi thực hiện việc dồn điền, đổi thửa, UBND xã Đ đã thông báo đến ông T tự thu hoạch hoa màu và hoàn trả lại mặt bằng nhưng gia đình ông T không thực hiện và hợp đồng cũng đã hết hạn từ năm 2006 nên không có cơ sở xem xét bồi thường công san lấp, cải tạo và hoa màu trên đất.

Đối với yêu cầu UBND xã Đ trả lại cho gia đình ông diện tích 400 $m^2$ đất đã khai hoang được liền kề với xứ đồng hồ M – chùa G và bồi thường hoa màu gia đình ông đã trồng trên đất: Gia đình ông T trồng rau khoai lang, rau muống trên 400$m^2$ đất nằm trong diện tích hồ M mà ông T đã được UBND xã Đ ký hợp đồng thả cá từ năm 1996 là đất công do nhà nước quản lý và không được sử dụng vào mục đích khác; gia đình ông T tự ý san lấp, quản lý, không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, hợp đồng đã hết hạn từ năm 2006, nên việc gia đình

ông T trồng khoai lang, rau muống là không đúng với nội dung hợp đồng và không có cơ sở để xem xét trả lại đất cho gia đình ông T.

Do đó, Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của UBND xã Đ và Quyết định số 610/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại của ông T là đúng quy định của pháp luật, Chủ tịch UBND xã Đ không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá T.

*Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện S trình bày:*

UBND huyện S nhận được đơn khiếu nại của ông Nguyễn Bá T về việc khiếu nại Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của Chủ tịch UBND xã Đ với 02 yêu cầu đền bù công cải tạo đất khi thôn H, xã Đ thực hiện dồn điền, đổi thửa trên diện tích đất 2 sào 7 thước do gia đình ông vỡ hoang từ năm 1983 và đền bù diện tích 400 $m^2$ đất (38$m^2$ trồng khoai lang và 360$m^2$ trồng rau muống) liền kề với xứ đồng hồ M– chùa G. Ngày 05/01/2018, UBND huyện S ban hành Quyết định số 18/QĐ-UBND giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại, kết quả xác minh cho thấy: Diện tích đất 2 sào 7 thước tại khu đồng M1 do ông T san lấp mặt bằng từ lò gạch cũ là đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích do nhà nước quản lý, thuộc đối tượng phải thu hồi theo chủ trương chung của xã Đ khi thực hiện dồn điền đổi thửa, nên ông T đề nghị được đền bù, hỗ trợ công tôn tạo đất là không có cơ sở để giải quyết; diện tích 400 $m^2$ đất (38$m^2$ trồng khoai lang và 360$m^2$ trồng rau muống) liền kề với xứ đồng hồ M – chùa G (phía nam giáp mương dẫn nước của trạm bơm, phía Đông giáp đuôi ruộng của hộ ông Trình, phía Tây giáp bãi đất của đuôi hồ M - Chùa G) nằm trong diện tích hồ Mmà hộ ông T đã được UBND xã Đ ký hợp đồng giao thầu từ năm 1996, đến năm 2006 đã hết hạn hợp đồng và việc gia đình ông T trồng khoai lang, rau muống trên đất là không đúng với nội dung hợp đồng nên không có cơ sở để xem xét. Do đó, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 không chấp nhận khiếu nại của ông T, giữ nguyên Quyết định số 228/QĐ-UBND nêu trên; và nay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá T.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND xã Đ trình bày:* Nhất trí với nội dung trình bày của người bị kiện là Chủ tịch UBND xã Đ, đề nghị Tòa án không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá T.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan* là bà Đặng Thị T, chị Nguyễn Thị Thu L, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Bá C đã ủy quyền cho ông Nguyễn Bá T và nhất trí với trình bày của ông Nguyễn Bá T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 180/2022/HC-ST ngày 08/9/2022 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội đã xử:

*1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá T yêu cầu hủy Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của Chủ tịch UBND xã Đ và Quyết định số 610/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Bá T.*

*2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá T yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Đ bồi thường cho gia đình ông công cải tạo đất tại diện tích 2 sào 7*

*thước ở khu đồng M1 và yêu cầu bồi thường tiền đổ đất, cải tạo, xây dựng và thả cá trên hồ M là 1.140.000.000 đồng.*

*3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá T yêu cầu yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Đ trả lại cho gia đình ông diện tích 400 $m^2$ đất đã khai hoang được liền kề với xứ đồng M – chùa G và bồi thường hoa màu gia đình ông đã trồng trên đất.*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/9/2022, ông Nguyễn Bá T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới và không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người khởi kiện là ông Nguyễn Bá T không rút đơn khởi kiện; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và về cơ bản vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện S, Chủ tịch UBND xã Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã Đ, chị Nguyễn Thị Thu L, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Bá Cco đơn xin xét xử vắng mặt, về cơ bản giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Bá T là hợp lệ. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung, kháng cáo của ông Nguyễn Bá T là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính xử bác kháng cáo của ông Nguyễn Bá T và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] Về tố tụng: Ngày 15/9/2022, ông Nguyễn Bá T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm là trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện S, Chủ tịch UBND xã Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã Đ, chị Nguyễn Thị Thu L, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Bá Cvắng mặt và có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; theo đề nghị của người khởi kiện và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Ngày 28/6/2018, ông Nguyễn Bá T khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Toà án hủy Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện S và Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của Chủ tịch UBND xã Đ về việc giải quyết khiếu nại. Xét đối tượng khởi kiện trong vụ án là quyết định hành chính do người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành về vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính trong lĩnh vực đất đai có nội dung làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Bá T thì thấy:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành quyết định hành chính:

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông L1, UBND xã Đ và UBND huyện S đã tiến hành kiểm tra, xác minh; trên cơ sở kết quả kiểm tra xác minh Chủ tịch UBND xã Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số số 228/QĐ-UBND ngày 05/12/2017, và Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 610/QĐ-UBND ngày 29/3/2018. Mặc dù các quyết định nêu trên đều do Phó Chủ tịch UBND ký ban hành nhưng có căn cứ vào văn bản ủy quyền của Chủ tịch UBND (Chủ tịch UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 về việc điều chỉnh phân công công tác lãnh đạo UBND huyện). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc ban hành các quyết định nêu trên là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 27, 28, 29, 30, 36, 37, 38, 39 Luật khiếu nại năm 2011.

[2.2] Xét nội dung, căn cứ ban hành quyết định giải quyết khiếu nại hành chính:

Ngày 11/02/1996, ông T ký "*Hợp đồng thả cá hồ M*" với UBND xã Đ, theo đó ông T được giao thầu hồ M (kể cả 02 chuôm và ngòi phía tây cống hồ) có diện tích 2 mẫu 6 sào 13 thước (9673 $m^2$), sản lượng giao nộp cho UBND xã là 400 kg thóc/năm; thời hạn hết hợp đồng là ngày 11/02/2006; được cải tạo phù hợp với việc thả cá, ngoài ra không được sử dụng sang mục đích khác. Cho đến nay hợp đồng này vẫn chưa được thanh lý. Trên phần đất được giao thầu, gia đình ông T đã tự cải tạo, san lấp, trồng hoa màu trên đất; khi thực hiện việc dồn điền, đổi thửa năm 2013 UBND xã Đ có Thông báo số 43/TB-UBND ngày 08/3/2013 đến ông T yêu cầu tự thu hoạch hoa màu và hoàn trả lại mặt bằng, nhưng gia đình ông T không thực hiện, nên UBND xã Đ đã tiến hành thu dọn toàn bộ số rau trả lại mặt bằng cho thôn Trung, thực hiện quy hoạch làm giao thông, thủy lợi nội đồng và chia ruộng cho dân theo phương án đã được phê duyệt. Ông T yêu cầu UBND xã Đ phải bồi thường 824.250.000 đồng cho ông số hoa màu trên, công đổ đất và trả lại diện tích đất theo hợp đồng đã ký năm 1996. Xem xét "*Hợp đồng thả cá hồ M*" do ông T ký với UBND xã Đ thì thấy hai bên có thỏa thuận thời hạn hết hợp đồng là ngày 11/02/2006, nên theo quy định tại Điều 418 Bộ luật dân sự năm 1995 thì hợp đồng chấm dứt ngày 11/02/2006; quá trình thực hiện hợp đồng, gia đình ông T đã tự ý cải tạo, san lấp, trồng hoa màu đất thầu thả cá là vi phạm điều 2 của hợp đồng; và UBND xã Đ có Thông báo số 43/TB-UBND ngày 08/3/2013 đến ông T

yêu cầu tự thu hoạch hoa màu và hoàn trả lại mặt bằng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bồi thường hoa màu trên đất và trả lại diện tích đất của ông T là có căn cứ; nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T về vấn đề này.

Về diện tích 2 sào 7 thước tại khu đồng M1, thôn H: Theo Biên bản họp Hội đồng tư vấn xác định nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất ngày 27/11/2017 của UBND xã Đ và các tài liệu địa chính do địa phương quản lý thì phần đất này là đất nông nghiệp chưa giao, do UBND xã quản lý, trước đây UBND xã đã giao thầu cho người địa phương khác để làm lò gạch, khi hết đất để sản xuất gạch thì chủ lò gạch đã bỏ đi nơi khác nên vẫn thuộc quyền quản lý của UBND xã. Năm 1983, ông T tự ý vào san lấp thành ruộng để cấy lúa, không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao hay cho thuê thửa đất này. Khi thực hiện dồn diền đổi thửa, phần đất này thuộc diện quỹ đất của xã nên UBND xã đã có Thông báo số 221/TB-UBND ngày 05/12/2012 về việc thu hồi đất trên địa bàn xã Đ. Nay ông T cho rằng diện tích 2 sào 7 thước đất tại khu đồng M1 do ông vỡ hoang từ năm 1983 để yêu cầu ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường 222.750.000 đồng cho gia đình ông công cải tạo, san lấp đất là không có căn cứ; việc ông T vào sử dụng thửa đất này nhưng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào cho phép là vi phạm Điều 12 Luật đất đai. Hơn nữa, việc thực hiện dồn điền đổi thửa không có chính sách bồi thường, hỗ trợ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu được đền bù, hỗ trợ công tôn tạo đất của ông T là có căn cứ; nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T về vấn đề này.

Về yêu cầu UBND xã Đ trả lại cho gia đình ông diện tích 400 $m^2$ đất (38$m^2$ trồng khoai lang và 360$m^2$ trồng rau muống) đã khai hoang được liền kề với xứ đồng M – chùa G và bồi thường hoa màu gia đình ông đã trồng trên đất là 93.000.000 đồng: Theo Báo cáo xác minh của UBND xã Đ ngày 27/11/2017 thì diện tích 400 $m^2$ đất gia đình ông T trồng rau khoai lang, rau muống (phía nam giáp mương dẫn nước, phía Đông giáp ruộng hộ ông Trình, phía Tây giáp bãi đất đuôi hồ M – chùa G) nằm trong diện tích hồ M mà ông T đã được UBND xã Đ ký hợp đồng thả cá từ năm 1996 là đất công do nhà nước quản lý, gia đình ông T tự ý san lấp, quản lý, không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất và theo hợp đồng thì không được sử dụng vào mục đích khác; nên như đã phân tích ở trên, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu trả lại đất của ông T.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của Chủ tịch UBND xã Đ và Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Bá T là có căn cứ pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T về vấn đề này.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện tại phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Bá T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí vì vậy miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Bá T.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của ông Nguyễn Bá T, giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 180/2022/DS-ST ngày 08/9/2022 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Bá T.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận***
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *VKS ND thành phố Hà Nội;*
- *VKSND cấp cao tại Hà Nội;*
- *Cục THADS thành phố Hà Nội;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ)*
- *Lưu HSVA, Phòng HCTP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Phan Nam**

| THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ | | THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA |
|---|---|---|
| **(đã ký)** | **(đã ký)** | **(đã ký)** |
| **Nguyễn Huyền Cường** | **Điều Văn Hằng** | **Nguyễn Phan Nam** |